TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **178**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
"V/v xin ly hôn và T/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Điệp**
Ông **Võ Thanh Liêm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thúy Nguyên** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Mỹ Phương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 969/2019/ HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu xin ly hôn và vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" Theo quyết định nhập vụ án số 01/2020/QĐDS-DS ngày 02/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2020/QĐXXST - DS ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 13A/2, đường Lâm Thành M, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Tô Văn C – là Luật sư của Văn phòng luật sư Hoàng Long thuộc Đoàn luật sư thành phố C T (xin vắng)

* *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Thu T, sinh 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 175/6, đường Phan Ngọc H, phường , thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Bùi Quang L, sinh năm 1974 (xin vắng).

Địa chỉ: Số 605, tòa nhà C Ô, đường số , phường An P, quận , thành phố H C M.

2/ Ông Khiếu Hữu B (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 5B, đường số , khu dân cư Hồng P, phường An B, quận Ninh K, thành phố C T.

3/ Chị Tạ Thị Kim N, sinh năm 1990 (xin vắng).

Địa chỉ: ẤP C Đ, xã P T, huyện Phú T, tỉnh Cà M.

5/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V N (xin vắng).

Trụ sở: Số 198, Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận Hoàn K,

thành phố Hà Nội, V N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị (xin vắng).

6/ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển V N

Trụ sở: Số 191, Bà T, phường Lê Đại H, quận Hai Bà T, thành phố Hà N.

Đại diện theo pháp luật: Phan Đ T

Người đại diện ủy quyền ông Mã Thế P, giám đốc phòng giao dịch Chi nhánh C M (xin vắng).

Địa chỉ: Số 05A, đường An Dương V, khóm , phường , thành phố C M, tỉnh C M.

7/ Ông Ngô G N – sinh năm 1976 (xin vắng).

Địa chỉ: Số 175/6, đường Phan Ngọc H, khóm , phường , thành phố C M, tỉnh C M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Anh Nguyễn Ngọc H trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau*:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu anh H và chị T đến với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nhân phường 5, thành phố Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng không sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh H yêu cầu xin được ly hôn với chị T.

-Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

-Về tài sản chung:

+ Có 02 phần đất tại số 13A/2, đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau. Trên 02 phần đất này có căn nhà cấp 4 giá trị nhà 500.000 đồng và giá trị đất 300.000.000 đồng. Anh H yêu cầu nhận nhà giao tiền cho chị T. Trong 02 phần đất này có 01 phần đất đứng tên 02 vợ chồng, phần còn lại đứng tên ông D và bà T do diện tích đất nông nghiệp nên tách thửa được.

Tại phiên tòa anh H đồng ý nhận tiền 400.000.000 đồng, giao nhà cho chị T.

+ Một xe ô tô hiệu Huyndai biển số 69B-5775 do chị Ngô Thị Thu T đứng tên, tiền của vợ chồng, mua trả góp tại Ngân hàng. Hiện chị Thanh sử dụng xe và góp cho Ngân hàng. Nếu vợ chồng cùng góp thì anh H nhận phần góp chung với chị T, phần còn lại chị T góp và Nhận toàn bộ xe.

Tại phiên tòa anh H thống nhận số tiền đặt cọc xe là 110.000.000 đ, anh H đồng ý nhận 55.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu SuZuKi biển số kiểm soát 69B1-34095, giá trị 30.500.000 đồng, anh H yêu cầu chia đôi đồng ý nhận xe và giao tiền lại cho chị T số tiền 15.250.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có

- Nợ riêng:

Nợ Bùi Quang L số tiền 550.000.000 đồng, vào ngày 02/5/2019 số tiền 499.000.000 đồng gửi từ Ngân hàng ACB, số tiền 50.000.000 đồng chuyển khoản

vào ngày 11/9/2019 cho người nhận là anh H mục đích để xây dựng căn nhà cấp 4 cho vợ chồng. Số nợ trên anh H yêu cầu chia đôi.

Tại phiên tòa anh H xác định nợ anh L là nợ riêng nên anh H có trách nhiệm trả cho anh L không yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm trả nợ.

- Người khác nợ lại:

Anh H và chị T có cho anh Kiếu Hữu B vay số tiền 300.000.000 đồng, còn nợ 200.000.000 đồng, anh yêu cầu chia đôi.

**Chị Ngô Thị Thu T trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn đúng như anh H trình bày. Về Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung:

+ Có 02 phần đất tại số 13A/2, đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau. Trên 02 phần đất này có căn nhà cấp 4 giá trị nhà 300.000.000 đồng và giá trị đất 600.000.000 đồng. Chị yêu cầu nhận nhà giao tiền cho anh H. Trong 02 phần đất này có 01 phần đất đứng tên 02 vợ chồng, phần còn lại đứng tên ông D và bà T do diện tích đất nông nghiệp nên chưa tách thửa được.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu nhận nhà giao cho anh H 400.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu SuZuKi biển số kiểm soát 69B1-34095, giá trị 30.500.000 đồng, anh H nhận xe. Hoàn lại cho chị 15.250.000 đồng.

Tài sản riêng:

+ Một xe ô tô hiệu Huyndai biển số 69B-5775 do chị Ngô Thị Thu T đứng tên, tiền của vợ chồng, mua trả góp tại Ngân hàng BIDV phường 2, giá trị giá 498.000.000 đồng. Hiện chị T sử dụng xe và góp cho Ngân hàng. Anh H chỉ ký tên không góp tiền chung.

Chị T đồng ý giao cho anh Hiếu 55.000.000 đồng (tiền đặc cọc xe 110.000.000 đồng/ đôi).

Về nợ riêng:

Nợ Ngân hàng Vietcombank số tiền 450.000.000 đồng, nợ chị Tạ Kim N số tiền 400.000.000 đồng, nợ riêng của chị T.

Chị không có cho anh Kiếu Hữu B vay số tiền 300.000.000 đồng, còn nợ 2.000.000 đồng, như anh H trình bày.

**Anh Bùi Quang L trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai như sau:*

Trước đây anh có cho chị T và anh H vay số tiền 550.000.000 đồng để xây dựng nhà. Ông đã chuyển tài khoản cho ông H. Nay vợ chồng ly hôn buộc anh H và chị T phải trả số nợ trên không yêu cầu tính lãi.

Do công việc bận rộn nên ông L xin từ chối hòa giải và xét xử vắng mặt đối với anh L.

**Chị Tạ Kim N trình bày tại bản tự khai:* Vào ngày 20/6/2019, chị T có đến nhà chị mượn số tiền 400.000.000 đồng để xây dựng nhà, anh H có biết sự việc này. Khi giao tiền chị T có ký nhận vào biên nhận. Nay anh H và chị T ly hôn chị không yêu cầu trong vụ án này. Trường hợp phát sinh tranh chấp chị sẽ yêu cầu sau.

** Ngân hàng TMCP Ngoại Thương V N trình bày:*.

Vào ngày 13/4/2018 chị T có ký hợp đồng tín dung với Ngân hàng vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng mục đích vay sửa chữa nhà ở. Để bảo bảo cho hợp đồng vay, ông Ngô Giang N đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho món vay của chị T. Quá trình vay bà T tiếp tục vay thêm 150.000.000 đồng, thời hạn 11 tháng. Hai hợp đồng chị T là người vay. Hiện tại hợp đồng chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này. Khi nào phát sinh tranh chấp Ngân hàng có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác. Nên Ngân hàng xin được vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

** Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển V N trình bày:*

Vào ngày 22/11/2018, chị Ngô Thị Thu T cùng anh H có ký hợp đồng vay số tiền 398.000.000 đồng mục đích vay thanh toán tiền mua ô tô, thời gian 84 tháng, chị T có thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do chị T đứng tên. Trong quá trình vay chị T đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hiện tại hợp đồng chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này. Khi nào phát sinh tranh chấp Ngân hàng có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác. Nên Ngân hàng xin được vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

** Ông Ngô Giang N trình bày bản tự khai ngày 15/9/2020 như sau:*

Do anh H và chị T có nhận chuyển nhượng phần đất và có nhờ ông đứng ra bảo lãnh vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông tại khóm 5, phường 6, thành phố Cà Mau cho Ngân hàng ngoại thương Cà Mau để chị T vay tiền chuyển nhượng phần đất và xây nhà.

Nay chị T và anh H ly hôn yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin từ chối hòa giải kiểm tra chứng cứ và xin xét xử vắng mặt đối với ông.

Luật sư bào chữa cho nguyên đơn trình bày tại bản luận cứ như sau:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H và chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung : Có 02 phần đất tọa lạc số 13A/2, Lâm Thành M có giá trị 300.000.000 đồng, và căn nhà trên phần đất có giá trị 500.000.000 đồng. Khi Ly hôn anh H yêu cầu nhận nhà hoàn ½ giá trị nhà và đất cho chị T. Do anh H không có nơi ở nào khác, 01 xe ô tô Huyndai biển số 69B-5775 do chị T đứng tên, tổng số tiền vợ chồng cùng góp 204.000.000 đồng yêu cầu chia đôi, người nào có nghĩa vụ góp cho ngân hàng thì nhận toàn bộ xe; 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 69B1-34095 do chị T đứng tên, vợ chồng thống nhất xe giá trị 30.500.000 đồng, H nhận xe và trả tiền lại cho chị T 1/2; vốn cho vay vợ chồng có cho ông Kiều Hữu B vay 200.000.000 đồng, khi ly hôn yêu cầu mỗi người nhận 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ anh Bùi Quang L số tiền 550.000.000 đồng, số tiền này anh H vay mục đích để xây nhà vợ chồng tại đường Lâm Thanh M, phường 4, thành phố Cà Mau yêu cầu chia đôi cùng có trách nhiệm trả cho anh L.

Về nợ riêng: Ngân hàng TMCP ngoại thương là nợ riêng của chị T. Anh H không đồng ý trả nợ cùng với chị T khoản nợ vay này.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ

án và tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về nội dung, Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H; Về con: Không có.

Về tài sản: Giao nhà và đất tại phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cho chị T quản lý, sử dụng. Chị T giao anh H 400.000.000 đồng, phần giá trị nhà và đất.

Chị T: Giao cho anh H 55.000.000 đồng, (tiền đặc cọc chiếc xe Huyndai số tiền 110.000.000 đồng/ 2), 15.000.000 đồng (tài sản vật dụng trong gia đình theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 15/5/2020), Tiền đo đạc chị T hoàn lại cho anh H 2.311.000 đồng.

Anh H: Giao lại cho chị T tiền xe SuZuKi biển số kiểm soát 69B1-34095 là 15.250.000 đồng.

Buộc anh H trả nợ cho anh L số tiền 550.000.000 đồng.

Chị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và chị Ngân , khi các đương sự có yêu cầu.

Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí chia tài sản chung theo quy định. Anh H phải chịu án phí trả số tiền cho anh L.

Đối với Ngân hàng Đông Á do không phát sinh tranh chấp nợ vay nên Tòa án không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với từ cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản

[2]Về hôn nhân: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của anh H tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn sống chung với nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, anh H xác định cũng không còn tình cảm với chị T. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của anh H cũng không về chung sống với chị T. Đồng thời, chị T trình bày tại phiên tòa đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không cùng ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của anh H về việc xin ly hôn với chị T.

[3]Về con chung: Không có

[4]Về tài sản chung:

Đối với anh H và chị T thống nhất tài sản chung và tiến hành thỏa thuận chia cụ thể:

+ 02 phần đất tại số nhà 13A/2, đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau. Trên 02 phần đất này có căn nhà cấp 4 giá trị nhà 500.000.000

đồng và giá trị đất 300.000.000 đồng. Trong 02 phần đất này có 01 phần đất đứng tên 02 vợ chồng, phần còn lại đứng tên ông D và bà T do diện tích đất nông nghiệp nên tách thửa.

Chị T, anh H thỏa thuận thống nhất căn nhà và đất trị giá là 800.000.000 đồng, yêu cầu chia đôi. Chị T nhận nhà giao tiền lại cho anh H là 400.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu SuZuKi biển số kiểm soát 69B1-34095, giá trị 30.500.000 đồng, vợ chồng thỏa thuận chia đôi anh H nhận xe. Anh H giao lại cho chị T 15.250.000 đồng.

[5] Đối với chị T và anh H xác định tài sản riêng:

+ Một xe ô tô hiệu Huyndai biển số 69B-5775 do chị Ngô Thị Thu T đứng tên, tiền của vợ chồng, mua trả góp tại Ngân hàng TMCP đầu tư vay 398.000.000 đồng. Hiện chị T sử dụng xe và góp cho Ngân hàng.

Anh H cho rằng anh H có góp tiền và ký tên hợp đồng nên anh H yêu cầu chia phần đã góp chung, chị T thống nhất phần góp chung của vợ chồng là 110.000.000 đồng (tiền cọc xe) vợ chồng thống nhất chia đôi, anh H nhận 55.000.000 đồng. Phần còn lại tiền góp xe và chiếc xe là tài sản riêng của chị T.

- Anh H không có tài sản riêng.

[6]Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung.

[7] Về nợ riêng:

*Chị T xác định nợ riêng của chị T gồm:

- Nợ Ngân hàng Vietcombank số tiền 600.000.000 đồng,
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam số tiền 398.000.000 đồng.
- Nợ chị Tạ Kim N số tiền 400.000.000 đồng.

Đối với các khoản nợ do chị T xác định nợ riêng của mình nên khi nào phát sinh tranh chấp các đương sự, có quyền yêu cầu khởi kiện đối với chị T để trả nợ.

*Anh H xác định nợ riêng của anh H:

- Nợ Anh Bùi Quanh L số tiền 550.000.000 đồng.

[8] Đối vơi yêu cầu độc lập của anh L yêu cầu chị T và anh H phải trả nợ, do anh H xác định là nợ riêng của anh H, anh H nhận nợ và đồng ý thanh toán cho anh L toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh L, buộc anh H có trách nhiệm thanh toán số tiền 550.000.000 đồng, cho anh L là phù hợp.

[9] Đối với số tiền anh H cho rằng cho anh Khiếu Hữu B vay 200.000.000 đồng không đặt ra giải quyết. Anh H và chị T có quyền yêu cầu bằng vụ án khác.

[10] Đối với Ngân hàng, chị N không yêu cầu Trong vụ án này. Tách ra khi nào tranh chấp Ngân hàng có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác đối với chị T là phù hợp.

[11] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chi phí đo đạc bị đơn phải chịu, tuy nhiên do tài sản cùng chia cho anh H, nên phải chịu ½. Chị T có trách nhiệm hoàn lại số tiền là 2.311.000 đồng cho anh H.

- Áp dụng Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Về án phí anh H, chị T phải chịu trên số tiền được chia tài sản.

Cụ thể anh H nhận: 400.000.000 đồng *(nhà và đất phường 4)* + 55.000.000 đồng *(tiền cọc xe Huyndai)* + 15.000.000 đồng *(tài sản)* + 15.250.000 đồng (xe SuZuKi) = 485.250.000 đồng.

Chị T nhận: 400.000.000 đồng *(nhà và đất phường 4)* + 55.000.000 đồng *(tiền cọc xe Huyndai)* + 15.000.000 đồng *(tài sản)* + 15.250.000 đồng *(xe SuZuKi)* = 485.250.000 đồng.

Anh H còn phải chịu án phí đối với số tiền anh L yêu cầu được chấp nhận. Anh L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc H về việc xin ly hôn với chị Ngô Thị Thu T.

-*Về con chung*: Anh H, chị T không có con chung.

-*Về tài sản chung*: Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị T:

* Giao cho Chị Ngô Thị Thu T:

+ Nhà và đất *(đất có diện tích 152,9 m^2 và nhà có diện tích 64,1 m^2)* tọa lạc tại số 13A/2, đường Lâm Thành Mậu, khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau (phần đất do ông Thái Văn D và bà Nguyễn Thị T đứng tên, điều chỉnh vào ngày 18/4/2018 cho anh Nguyễn Ngọc H và chị Ngô Thị Thu T đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 84m^2 và hợp đồng chuyển nhượng thửa số 14, 18 tờ bản số 14,23m^2 diện tích chuyển nhượng 72m^2 giữa đại diện ông Thái Hoàng L với chị Ngô Thị Thu T).

(Kèm theo bảng vẽ hiện trạng ngày 21/05/2020 của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ- Quan trắc Tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau).

Chị T tự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc H hoàn lại cho chị T số tiền 15.250.000 đồng.

* Anh H được nhận gồm:

- Giá trị nhà và đất số tiền 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng);* 01 xe hiệu SuZuKi biển số kiểm soát 69B1-34095 giá trị 15.250.000 đồng; 15.000.000 đồng *(Tài sản trong gia đình theo biên bản xem xét thẩm định) và 55.000.000 đồng (tiền đặt cọc xe);*

Tổng số tiền buộc chị Ngô Thị Thu T giao lại cho anh Nguyễn Ngọc H là 400.000.000 đồng + 15.000.000 đồng + 55.000.000 đồng = 470.000.000 đồng.

Chị T có nghĩa vụ hoàn lại là 2.311.000 đồng cho anh H chi phí đo đạc.

Anh H làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe theo quy định.

* *Tài sản riêng:*

+ Đối với xe ô tô hiệu Huyndai biển số 69A- 5775 do chị Ngô Thị Thu T đứng tên, là tài sản riêng của chị T.

* Về nợ chung: Anh, chị xác định không có.

* Nợ riêng:

Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh Bùi Quang L:

- Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải thanh cho anh Bùi Quang L số tiền 550.000.000 đồng.

Kể từ ngày đượng sự có đơn yêu cầu thi hành án đương sự có nghĩa vụ không thi hành số tiền trên, thì hành tháng còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Tách nợ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt N số tiền 398.000.000đ và nợ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt N 600.000.000đ, nợ chị Tạ Thị Kim N 400.000.000đ, chị T xác định là nợ riêng chị T có trách nhiệm thanh toán. Khi nào phát sinh tranh chấp đương sự có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác.

- Tách số tiền anh Khiếu Hữu B nợ anh H, chị T 200.000.000đ. Chị T, anh H có quyền yêu cầu bằng một vụ án khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Anh Nguyễn Ngọc H phải nộp số tiền 300.000 đồng,

Án phí chia tài sản chung chị T, anh H mỗi người phải nộp 23.410.000 đồng.

Án phí nợ chung anh H phải nộp 26.000.000 đồng.

Vào ngày 10/12/2019, anh H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 10.300.000đ theo biên lai số 0001116 được giữ y, đối trừ anh H còn phải nộp tiếp số tiền *(23.410.000 đồng + 26.000.000 đồng = 49.410.000 đồng + 300.000 đồng = 49.710.000 đồng - 10.300.000đ)* bằng ***39.410.000 đồng***. *(Chưa nộp)*

Anh Bùi Quang L không phải nộp án phí đã dự nộp 13.000.000 đồng tại lai thu số 0001474 vào ngày 24/2/2020 được hoàn lại toàn bộ cho anh L khi bản án có hiệu lực.

Anh Nguyễn Ngọc H, chị Ngô Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*